

Số: **60 /2025/QĐST-HNGĐ**

Mỏ Cày Nam, ngày 08 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 2002

Địa chỉ: 347, khu phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh B

Nơi ở hiện nay: 177 đường Liên Ph, phường Phước L, thành phố T, thành phố H

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1986

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh B

- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Hữu P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Hữu P có 02 con chung tên Nguyễn Hữu M, sinh ngày 30/7/2021 và Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 17/01/2023. Sau khi ly hôn, anh P là người trực tiếp nuôi con chung, chị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền thăm con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này một hoặc hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Hữu P đều khai không có.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Hữu P đều khai không có.

- Về án phí: Chị N tự nguyện nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0008549 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam. Chị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b)
- VKSND huyện Mô Cày Nam (1b)
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b)
- UBND thị trấn Mô Cày (1b)
- Các đương sự (2b)
- Lưu hồ sơ, VP (3b)

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

